

Giá trị văn hóa làng nghề truyền thống tại các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Hồng

Cultural values of traditional craft villages in the coastal provinces of Red River Delta

Nguyễn Thu Hương

Tóm tắt

Khu vực nông thôn các tỉnh ven biển thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) còn duy trì các làng nghề truyền thống (LNTT) đã được hình thành từ lâu đời, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa nghề, lịch sử phong phú, đặc sắc. Trong đó nổi bật là các giá trị về văn hóa nghề truyền thống và các di sản văn hóa khác như công trình kiến trúc đình, chùa, cảnh quan, văn hóa ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn, lễ hội... Những giá trị cũng chính này là những tiềm năng vô giá để phát triển kinh tế nông thôn trong bối cảnh áp lực đô thị hóa nhanh hiện nay. Qua việc nghiên cứu khảo sát thực tiễn một số làng nghề ven biển kết hợp với tổng hợp phân tích tài liệu, bài tham luận hướng tới đánh giá khái quát được thực trạng phát triển du lịch LNTT ven biển, từ đó nhận diện được các giá trị văn hóa LNTT ven biển vùng ĐBSH để thúc đẩy phát triển du lịch.

Từ khóa: Làng nghề truyền thống, tỉnh ven biển vùng ĐBSH, giá trị văn hóa

Abstract

The rural area of the Red River Delta coastal provinces is the home of many craft villages which are featured by long history and diversified and unique professional cultural values, particularly traditional professional cultural values and other cultural heritages such as temples, pagodas, landscapes, culinary culture, performance, festivals, etc. They are valuable potentials for rural economic development in the current rapid urbanization. This discussion paper aims to broadly assess tourism development status in coastal traditional craft villages from results of surveys over various coastal craft villages and desk reviews, so as to identify the potential cultural values of traditional craft villages in the Red River Delta for successful tourism development.

Key words: Traditional craft village, Red River Delta coastal province, cultural value

Lời mở đầu

Khu vực nông thôn các tỉnh ven biển vùng ĐBSH phần lớn là các làng xã truyền thống mới hình thành, nhưng chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, lịch sử phong phú, đại diện cho văn hóa khai hoang lấn biển của người Việt. Giá trị văn hóa khu vực nông thôn ven biển không chỉ đóng vai trò thúc đẩy không gian không gian đô thị ven biển Việt Nam mà còn góp phần hình thành nền “văn hóa biển” đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó nổi bật là các giá trị về văn hóa nghề truyền thống và các di sản văn hóa khác như công trình kiến trúc đình, chùa, cảnh quan tự nhiên, văn hóa ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn, lễ hội... Những giá trị này cũng chính là những tiềm năng lớn để phát triển kinh tế nông thôn vùng ven biển trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

Với nhiều tiềm năng như vậy nhưng việc phát triển du lịch dựa trên các thế mạnh ở các làng truyền thống hiện nay còn rất hạn chế, nhiều địa phương có nghề truyền thống nhưng không đưa được khách du lịch tới vì môi trường bị ô nhiễm, thiếu không gian dịch vụ du lịch để giới thiệu sản phẩm nghề truyền thống, trong khi đó sản phẩm lưu niệm rất nghèo nàn.

Theo thống kê năm 2016 cả nước có khoảng 5000 làng nghề trong đó 1700 LNTT đã được công nhận. Trong các LNTT thuộc các tỉnh ven biển vùng ĐBSH bao gồm chiếu cói, mộc, đúc đồng, làm đá, cây cảnh... chiếm tỉ trọng lớn và có tiềm năng phát triển du lịch cao. Tác giả tiến hành khảo sát đánh giá tại 07 LNTT như: Làng cói Thượng Kiệm, làng thêu ren Văn Lâm (Ninh Bình), làng tơ tằm Cổ Chất (Nam Định), Làng cây cảnh Bách Thuận, làng dệt chiếu An Hạ (Thái Bình), làng tạc tượng Bảo Hà, làng con rối Nhân Mục (Hải Phòng). Các LNTT này vẫn còn duy trì tiềm năng về thu hút khách du lịch, thông qua tìm hiểu về nghề, được hiểu biết sâu sắc thêm về văn hóa Việt, được trải nghiệm làm nghề và được tiếp cận các sản phẩm nghề độc đáo.

Nhìn chung các hoạt động du lịch LNTT tại các tỉnh ven biển vẫn chưa được chú trọng phát triển. Khảo sát chỉ có 2/7 LNTT ven biển đã tổ chức hoạt động du lịch, bao gồm làng Nhân Mục và làng Ninh Hải. Các làng còn lại có hoạt động du lịch tự phát do một nhóm, cá nhân tự tổ chức. Các hoạt động du lịch LNTT ven biển chủ yếu: Thăm quan, trải nghiệm



Hình 1. Khu dịch vụ du lịch ở làng Văn Lâm, Ninh Hải, Ninh Bình

NCS. ThS. Nguyễn Thu Hương

Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Đại học Xây dựng

ĐT: 0983966691

Email: Huongnt3@nuce.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/01/2021

Ngày sửa bài: 9/03/2021

Ngày duyệt đăng: 31/03/2021

văn hóa làng nghề. Các hoạt động nghề tập trung tại một số điểm trọng tâm như di tích tôn giáo tín ngưỡng, nhà ở kết hợp làm nghề. Chính vì vậy, hoạt động du lịch LNTT ven biển không chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Các hoạt động du lịch LNTT ven biển chủ yếu diễn ra ở quy mô các hộ gia đình sản xuất cá thể và các đoàn hoặc nhóm khách du lịch hoặc chuyên gia có nhu cầu tìm hiểu hoặc nghiên cứu về giá trị nghề truyền thống và sản phẩm của LNTT.

Như vậy, việc khai thác các giá trị văn hóa LNTT để phát triển du lịch tại các tỉnh ven biển còn nhiều vấn đề bất cập. Các giá trị này cần phải được hệ thống hóa, nhận diện một cách toàn diện để làm cơ sở, tiền đề cho các hoạt động khai thác du lịch. Qua khảo sát thực tế 7 làng nghề, tôi xin đưa ra một số giá trị cốt lõi để phát triển du lịch như sau:

1. Giá trị lịch sử, di sản

Sự hình thành của nghề trong LNTT, cùng với phương thức sản xuất trong lịch sử cũng là lịch sử phát triển của một vùng đất, một quốc gia. Nhiều LNTT ven biển vùng ĐBSH có lịch sử nghề hàng trăm năm. Qua việc tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển nghề có thể hiểu được quá trình phát triển của làng, một vùng hoặc một quốc gia. Trong quá trình khai phá ra phía biển, dấu ấn nghề ở đâu cũng là dấu ấn lịch sử phát triển của cộng đồng dân cư ở đó.

Ví dụ như làng Bách Thuận (Thái Bình): Từ cuối thế kỷ thứ 17 bắt đầu từ những cuộc di dân do thiên nhiên biến đổi bồi dòng nước từ ngã ba Tuần Vương chảy xoáy vào vùng Vĩ Xuyên – Địa phận Phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định. Chảy đến đầu sông Hồng đổi hướng và lặn dòng tạo ra “Bên lờ - Bên bồi” và đã hình thành một vùng đất màu mỡ phì nhiêu, đây chính là điều kiện để cư dân nhiều dòng họ đến nơi này quần cư – lập nghiệp, mở mang khai khẩn. Bách Thuận là tên ghép của 2 làng cổ: Thuận Vĩ và Bách tính, trong đó làng Thuận Vĩ xưa có nghề trồng dâu nuôi tằm.



Hình 2. Cấu trúc làng, tuyến đường chính và các di tích làng Bách Thuận, Thái Bình

Di sản Kiến trúc, điêu khắc dân gian ở các LNTT có những nét riêng được thể hiện qua các di tích lịch sử - văn hóa như đình, chùa, đền, miếu... Di tích như là những hiện vật minh chứng cho sức mạnh, sự trường tồn, trí tuệ và là biểu tượng của mỗi làng quê. Có thể nói hầu như LNTT nào cũng có những công trình kiến trúc kết tinh sự tài hoa khéo léo của người nghệ nhân nơi “đầu sóng ngọn gió”. Các công trình di tích tạo thành quần thể di tích tín ngưỡng văn hóa mang dấu ấn riêng của một làng nghề.

2. Giá trị tinh hoa của sản phẩm nghề

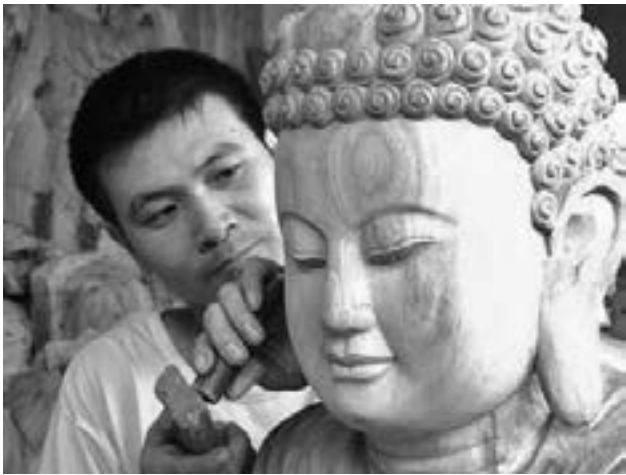
Sản phẩm nghề đẹp, độc đáo, thể hiện sự sáng tạo, tay nghề cao, độ khéo léo, trình độ thẩm mỹ cao... có thể so sánh với vùng, quốc gia hoặc quốc tế.

Mỗi một làng có những sản phẩm riêng. Sản phẩm giữa các làng dù cùng một nghề cũng có những sự khác biệt dựa trên óc sáng tạo của người dân. Vẻ đẹp của sản phẩm cói



Hình 3. Hình ảnh áo dài Việt Nam được dệt từ tơ tằm Cổ Chất





Hình 4. Hình ảnh tượng gỗ, con rối của làng tạc tượng Bảo Hà



như tạo hình, vẽ hoa luôn là những giá trị được đánh giá cao. Làng cói Thượng Kiệm có tay nghề cao, sản phẩm rất tinh xảo. Sự tinh xảo trong khả năng xử lý và sử dụng vật liệu địa phương sáng tạo, chính xác trong việc liên kết thành cói là những hàng hóa có vẻ đẹp cao cùng giá trị sử dụng. Đây là giá trị cao của các làng nghề với hoạt động du lịch, du khách rất thích được xem những sản phẩm như là những tác phẩm nghệ thuật và cũng là điều kiện để quảng bá sản phẩm nghề ra quốc tế.

Khả năng khòp nối các mảnh gỗ thành cấu trúc phức tạp và bền vững đối với làm nhà, tủ, giường... Làng tạc tượng Bảo Hà, làng con rối Nhân Mục (Hải Phòng) nổi tiếng với khả năng xử lý gỗ, đục đẽo, trang trí điêu luyện đối với sản phẩm tượng, tranh, hoa văn phù điêu...

3. Giá trị biểu tượng văn hóa nghề

Văn hóa nghề hiện sự cần cù chịu khó của người nông dân. Nhiều ca dao tục ngữ, truyền thuyết về nghề. Nghề truyền thống thường làm bằng tay, ít bằng máy, thể hiện sự cần cù, khéo léo của mỗi con người, của người dân vùng ĐBSH. Rất nhiều ca dao, tục ngữ ca ngợi sự cần cù chịu khó của những người làm nghề, sự tự hào về nghề như: “Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng” (nghề trồng dâu nuôi tằm).

Một số sản phẩm đã trở thành biểu tượng, hình ảnh biểu trưng của văn hóa Việt Nam.

Sản phẩm tượng gỗ, tranh gỗ, con rối nước là biểu tượng cho kiến trúc nhà ở truyền thống và giá trị văn hóa tâm linh của dân tộc Việt Nam.

Ngoài ra các trò chơi dân gian cũng mang lại những tiềm năng du lịch độc đáo cho LNTT ven biển, ví dụ như: học đánh trống, đu dây, nấu cơm, leo cây, đánh bi, xe lăn, ngựa gỗ, cờ người, cầu lắc, múa rối,... Các trò chơi dân gian không yêu cầu những không gian riêng biệt, mà có thể tổ chức linh hoạt gắn với không gian di tích, điểm dịch vụ du lịch.

4. Giá trị cảnh quan của làng nghề truyền thống

Đặc điểm sản xuất của làng nghề là hòa trộn với không gian cư trú. Vì vậy khi về làng nghề, du khách cảm nhận ngay được sự khác biệt, sự đặc trưng của cảnh quan văn hóa. Những nguyên vật liệu, thành phẩm, khung cảnh sản xuất tại hộ gia đình, trên cả đường làng tạo nên những không gian, cảnh quan rất sống động. Có thể thấy rõ nhất tại



Hình 5. Phoi tơ ngoài đường làng Cổ Chất



Hình 6. Đình làng Bách Thuận

các LNTT với các bình bụi tre, phoi tơ tằm – lụa, tượng, cói, vật liệu dọc đường làng. Vẫn còn những mái ngói thâm nâu ẩn hiện dưới những lũy tre xanh hiền hòa, những gốc nhãn cổ thụ. Hình ảnh những cây cổ thụ, mái đình soi bóng xuống mặt nước, tiếng ve kêu mùa hè yên bình đến lạ.

Cảnh quan bến nước, ao đình, giếng đình: Đây là cảnh quan đặc thù làng xã truyền thống vùng ĐBSH. Cảnh quan này là sự gắn kết nhuần nhuyễn giữa công trình di tích, mặt nước, cây xanh,... trong tổng thể cảnh quan làng xã. Hình ảnh mái đình, chùa soi bóng trên mặt nước, để lại giá trị cảnh quan sâu sắc của người khách du lịch nước ngoài.



Hình 7. Khai thác cói làng chiếu An Hạ



Hình 9. Sản phẩm tranh thêu phong cảnh làng Văn Lâm và Hộp đựng đồ khách sạn từ cói làng Thượng Kiệm, Ninh Bình

Tại các làng nghề ao làng, giếng làng ngoài vai trò cung cấp nước sinh hoạt còn có vai trò quan trọng đối với sản xuất nghề. Nước là loại vật liệu không thể thiếu trong suốt quá trình sản xuất cói (làng chiếu cói An Hạ), trồng hoa (làng cây cảnh Bách Thuận), pha sơn (Làng tạc tượng Bảo Hà), không gian tổ chức múa rối nước (làng con rối Nhân Mục). Tất cả cho thấy, mặt nước không những đại diện cho hình ảnh đất nước mà còn gắn chặt, bám sâu vào góc ngách của LNTT.

Cảnh quan sản xuất nguyên liệu: Hoạt động sản xuất nguyên liệu làm nghề là cảnh quan đặc thù, hấp dẫn khách du lịch. Cảnh quan này thể hiện quá trình phát triển và khai



Hình 8. Lễ hội múa rối nước làng Nhân Mục

thác vật liệu địa phương, tạo nên dấu ấn bản địa cho mỗi sản phẩm.

5. Tập quán, phong tục, các quan hệ xã hội truyền thống

Thờ tổ nghề, bí quyết truyền nghề, phường hội, lễ hội, gắn kết gia đình. Mỗi một nghề truyền thống khi được duy trì lâu dài, mang lại đời sống kinh tế cho người dân đều được người dân kính trọng những người đã dạy, truyền nghề cho họ, gọi là tổ nghề, tổ nghề được thờ trong đền, thể hiện triết lý “uống nước nhớ nguồn”. Có lễ hội làng liên quan đến tổ nghề. Tập quán của các phường hội chia sẻ giúp đỡ nhau làm nghề, có truyền thống cả gia đình chia sẻ công việc nghề... Hiểu về nghề truyền thống là hiểu về văn hóa của làng, của vùng.

Hội làng là hoạt động tín ngưỡng, sinh hoạt tập thể quan trọng nhất của làng trong năm. Hội làng có sự tham gia đông đủ của dân làng, lãnh đạo địa phương, các họ tộc, các nghệ nhân làng nghề Hội làng bao gồm phần lễ và phần hội được tiến hành tập trung tại khu vực đình làng. Phần lễ tưởng niệm Thành hoàng làng. Phần hội thường diễn ra vào buổi tối, bao gồm nhiều tiết mục văn nghệ của dân làng.

Hội làng tại các LNTT khảo sát hiện nay thu hút được người gốc dân làng từ mọi miền đất nước và một số người dân từ các xã lân cận đến tham dự.

6. Giá trị tạo lập thành sản phẩm lưu niệm, sản phẩm tiêu dùng hấp dẫn cho cả khách du lịch trong nước và quốc tế

Một trong những sản phẩm du lịch không thể thiếu trong các điểm du lịch là đồ lưu niệm hoặc các sản phẩm tiêu dùng mang bản sắc địa phương. Các LNTT rất có thể mạnh này, có nhiều tiềm năng để hình thành các đồ lưu niệm từ sản phẩm nghề. Các đồ chơi bằng tre, nón nhỏ trang trí... là những đồ lưu niệm từ các làng nghề đã được du khách đến Việt Nam ưa thích.

Sản LNTT ở ngoài chức năng phục vụ sinh hoạt, còn được ưa chuộng trong đồ trang trí nội thất, lưu niệm. Chính vì vậy, khả năng phát triển sản phẩm thành đồ lưu niệm, nhất là đồ trang trí nội thất, vật dụng nhỏ sẽ là tiềm năng phát triển mới đối với các sản phẩm nghề.

Kết luận

Nghiên cứu nhận diện giá trị văn hóa LNTT tại các tỉnh ven biển vùng ĐBSH là rất cấp thiết. Bảng những nghiên cứu (xem tiếp trang 25)



Hình 5. Chợ Đông Xuyên (Tiền Hải), khu chợ kết hợp thương mại tư nhân

Phương tiện vận chuyển hàng hóa đến và đi của chợ chủ yếu là xe máy và phương tiện nhỏ. Các giao dịch thực hiện khá tự do. Sân chợ ngoài trời hoạt động kết hợp các mục đích khác nhau như hạ hàng đến, giao dịch, lên hàng đi, dừng xe tạm,...

Trong quản lý xây dựng và quy hoạch tại địa phương, hiện nay đa phần các khu chợ đều nằm lẫn và bị bao bọc bởi khu dân sinh. Các cửa hàng thương mại chiếm gần hết mặt tiền chợ, lối ra vào của các khu chợ bị thu hẹp rất nhiều (Hình 4, Hình 5). Đây là một trong những đặc thù của chợ tại địa phương nghiên cứu.

Do đó, xu hướng cộng sinh công năng cần được xem xét trong tính linh hoạt của không gian chợ, bao gồm việc tạo lập các phân đoạn có dự trữ phát triển, cấu trúc không gian mở,

và tiến trình chuyển hóa chức năng của công trình khi đô thị phát triển. Bên cạnh đó, với các đặc thù của công trình chợ, với các loại / cấp khác nhau sẽ có yêu cầu hệ thống dịch vụ khác nhau. Việc nghiên cứu chuyên sâu có thể mở rộng thêm trong các nghiên cứu sau này.

4. Kết luận

Sự phát triển của Khu kinh tế Thái Bình sẽ mang đến động lực tăng trưởng cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại địa phương, thúc đẩy thương mại cả về khối lượng cũng như trình độ. Việc xem xét đánh giá tình hình hoạt động hiện nay cũng như việc xác định các xu hướng kiến trúc linh hoạt phù hợp của hệ thống chợ trong Khu kinh tế Thái Bình là cần thiết, chuẩn bị cho những điều kiện mới của tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công thương, Quyết định số 6481/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2015 v/v: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Bộ Công thương - 2015.
2. Bộ Xây dựng, VIUP, Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Xây dựng - 2019.
3. HĐND Tỉnh Thái Bình, Nghị quyết 27/2017/NQ-HĐND. Nghị quyết: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh

Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, HĐND Tỉnh Thái Bình - 2017.

4. UBND Tỉnh Thái Bình, Niên giám thống kê năm 2017 huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, UBND Tỉnh Thái Bình - 2018.
5. Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Công thương, Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Viện Nghiên cứu Thương mại - 2007.

Giá trị văn hóa làng nghề truyền thống...

(tiếp theo trang 21)

cứu từ tài liệu, khảo sát thực tiễn, bài báo đã khái quát được những vấn đề thực trạng phát triển du lịch tại một số làng LNTT ven biển vùng ĐBSH. Qua đó, nhận diện được các giá trị tiềm năng văn hóa chủ đạo của LNTT. Các giá trị này,

là cơ sở khoa học để phát huy giá trị tiềm năng trong việc phát triển kinh tế nông thôn trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Hoài Thu (2020), Giải pháp quy hoạch LNTT ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng, số 103+104, năm 2020.
2. Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Hoài Thu (2018), Tổ chức không gian hoạt động du lịch làng nghề truyền

thống mây tre đan vùng Đồng bằng Sông Hồng, áp dụng cho làng Thủ Sỹ, Đề tài cấp trường, Đại học Xây dựng, Năm 2018.

3. Phạm Hùng Cường (2020), nghiên cứu xây dựng mô hình Làng nghề - Du lịch và làng di sản - du lịch khu vực Đồng bằng Sông Hồng nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới, Đề tài cấp Bộ NN và PTNT, năm 2020.
4. Văn hóa dân gian các làng ven biển, Tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật số 12/05.